

Bản án số: 29/2024/KDTM-ST
Ngày: 19/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-KDTM ngày 28/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST -KDTM ngày 09/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST- KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2

Địa chỉ trụ sở chính: 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: 456 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Số E L, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn : Công ty TNHH Một Thành Viên C.

Địa chỉ: Số B Ấp I, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ thường trú: Số C đường số A Khu dân cư V, phường T, Quận G,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số C đường số A Khu dân cư V, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964

- Bà Chung Thị L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số C đường số A Khu dân cư V, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai người đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh B1 (sau đây gọi tắt là Ngân H) và Công ty TNHH MTV C (sau đây gọi tắt là Bên Vay) có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020. Theo đó, Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: 40,000,000,000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi; mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. (sau đây gọi là Hợp Đồng Tín Dụng)

Công ty TNHH MTV C đề nghị Ngân hàng giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho B vay tổng số tiền: 36,931,603,352 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm linh ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng), thời hạn cho các khoản vay: 6 tháng đến 7 tháng. Mục đích là thanh toán tiền mua hàng cho đối tác. Chi tiết:

Số HĐTD cụ thể	Ngày giải ngân	Kỳ hạn vay (tháng)	Dư nợ (VNĐ)	Lãi suất trong hạn (%/năm)
39/2023/14348443/HĐTD	07/03/2023	6	1,656,020,552	9.00%
40/2023/14348443/HĐTD	08/03/2023	6	1,898,800,000	9.00%
41/2023/14348443/HĐTD	09/03/2023	6	3,078,000,000	9.00%
42/2023/14348443/HĐTD	16/03/2023	6	3,331,759,000	9.00%
43/2023/14348443/HĐTD	20/03/2023	6	3,330,472,000	9.00%
44/2023/14348443/HĐTD	21/03/2023	6	1,296,682,000	9.00%
45/2023/14348443/HĐTD	21/03/2023	6	3,322,118,000	9.00%

Số HĐTD cụ thể	Ngày giải ngân	Kỳ hạn vay (tháng)	Dư nợ (VND)	Lãi suất trong hạn (%/năm)
46/2023/14348443/HĐTD	23/03/2023	6	4,936,906,500	9.00%
47/2023/14348443/HĐTD	23/03/2023	6	2,683,807,300	9.00%
48/2023/14348443/HĐTD	29/03/2023	6	3,405,000,000	9.00%
49/2023/14348443/HĐTD	29/03/2023	6	1,725,968,000	9.00%
50/2023/14348443/HĐTD	30/03/2023	6	1,758,000,000	9.00%
51/2023/14348443/HĐTD	30/03/2023	6	2,998,000,000	9.00%
52/2023/14348443/HĐTD	28/06/2023	7	1,500,000,000	9.00%
Tổng cộng			36,931,603,352	

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty TNHH MTV C trả nợ (gốc, lãi và lãi phạt), nhưng Công ty TNHH MTV C vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình như đã cam kết tại hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình vay vốn, Khách hàng thường xuyên phát sinh quá hạn gốc và lãi từ tháng 03/2023 đến nay. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, làm việc, Khách hàng đã cam kết về việc trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên thực tế Khách hàng vẫn không thực hiện trả nợ cho ngân hàng.

Chính vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: thực hiện trả đầy đủ tất cả các khoản nợ gốc và lãi vay phát sinh cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH MTV C phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và lãi phạt đến hết ngày 19/06/2024 đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023;
- Số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023;
- Số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023;
- Số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023;
- Số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023;
- Số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;

- Số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/6/2023.

Tổng số tiền gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến hết ngày 19/06/2024, cụ thể như sau:

	VND
Gốc	36,931,603,352
Lãi, lãi phạt quá hạn	2,704,422,828
Tổng cộng	39,636,026,180 VND (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng)

Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023;
- Số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023;
- Số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023;
- Số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023;
- Số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023;
- Số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/6/2023.

Trường hợp Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ theo thời hạn phán quyết của Tòa án, đề nghị cơ quan thi hành án xử lý phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty TNHH MTV C tại Ngân hàng. Tài sản thế chấp của Công ty TNHH MTV C chi tiết như sau:

Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 622, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 760969, số vào sổ cấp GCN: CT37659 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/06/2017.

Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 611, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 858751, số vào sổ cấp GCN: CH 03883 do UBND huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 06/11/2014.

2/Bị đơn Công ty TNHH MTV C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Đ và bà Chung Thị L đã được Tòa án tổng đạt triệu tập họp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà L vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gì.

*Tại phiên Tòa:

-Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH MTV C phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến hết ngày 19/06/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023;
- Số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023;
- Số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023;
- Số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023;
- Số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023;
- Số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;

- Số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/6/2023.

Tổng số tiền gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến hết ngày 19/06/2024, cụ thể như sau:

	VND
Gốc	36,931,603,352
Lãi, lãi phạt quá hạn	2,704,422,828
Tổng cộng	39,636,026,180 VND (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng)

Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023;
- Số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023;
- Số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023;
- Số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023;
- Số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023;
- Số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;

-Số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/6/2023.

Trường hợp Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ theo bản án của Tòa án thì đề nghị cơ quan thi hành án xử lý phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp của Công ty TNHH MTV C là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 622, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 760969, số vào sổ cấp GCN: CT37659 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/06/2017.

Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 611, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 858751, số vào sổ cấp GCN: CH 03883 do UBND huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 06/11/2014 để trả nợ cho tại Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng : Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến phiên tòa hôm nay là đã tuân thủ đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ 2, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và ông Đ, bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023; số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023; số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023; số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023; số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023; số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số

45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/06/2023.

Hai bên ký kết có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tại Chi nhánh B1 : số D đường C, Phường A, Quận A và tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020 hai bên thỏa thuận chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân Quận 10, căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn, ông Đặng Văn Đ, bà Chung Thị L nhưng bị đơn, ông Đặng Văn Đ, bà Chung Thị L vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, ông Đ và bà L.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể được giao kết hợp pháp vì có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các hợp đồng tín dụng cụ thể số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023; số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023; số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023; số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023; số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023; số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số

51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/06/2023 thể hiện nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền gốc là 36,931,603,352 đồng (Ba mươi sáu tỷ chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm linh ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng)

Hai bên ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã vay, lãi, lãi phạt, các khoản phí và các chi phí phát sinh.

Căn cứ nội dung hai bên thỏa thuận mục 5. Phần Phê Duyệt của Ngân Hàng tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất vay:

-Lãi suất trong hạn : 9%/năm cố định trong suốt thời gian cho vay.

-Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

-Lãi suất chậm trả (áp dụng với số tiền chậm trả) 10%/ năm tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Việc thỏa thuận của các đương sự về lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng tín dụng cụ thể , bản sao kê quá trình giải ngân số tiền vay và thời gian trả tiền gốc, tiền lãi của bị đơn thể hiện bị đơn đã nhận đủ số tiền vay gốc là 36,931,603,352 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký và bị đơn còn nợ tiền gốc, tiền lãi đúng như lời nguyên đơn trình bày; bị đơn không thanh toán tiếp số tiền lãi và tiền gốc khi đến hạn, đã vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn theo quy định Điều 466 của Bộ luật Dân sự là có cơ sở.

Xét thấy, bị đơn không thanh toán số tiền gốc, lãi đã vay là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và các bên không có thỏa thuận gì khác, Hội đồng xét xử căn cứ theo thỏa thuận về phương thức thanh toán, tiền lãi, lãi phạt tại các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký để xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn còn nợ của nguyên đơn tính đến ngày 19/6/2024 số tiền gốc 36,931,603,352 đồng và tiền lãi là 2,704,422,828 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 39,636,026,180 đồng theo lời của nguyên đơn trình bày là có cơ sở.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 39,636,026,180 đồng (Ba mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng) trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 20/6/2024 cho đến khi Công ty TNHH Một Thành Viên C trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các hợp đồng tín dụng cụ thể số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023; số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023; số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023; số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023; số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023; số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023; số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023; số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023; số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023; số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/06/2023.

Trường hợp Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 không thanh toán số tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp của Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 622, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 760969, số vào sổ cấp GCN: CT37659 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/06/2017 và Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 611, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 858751, số vào sổ cấp GCN: CH 03883 do UBND huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 06/11/2014 để trả nợ cho tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 phải trả số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 39,636,026,180 đồng (Ba mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2, trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 20/6/2024 cho đến khi Công ty TNHH Một Thành Viên C trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 681/2020/14348443/HĐTD ngày 25/09/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-681/2020/14348443/HĐTD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02-681/2020/14348443/HĐTD và các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Số 39/2023/14348443/HĐTD ngày 07/03/2023;
- Số 40/2023/14348443/HĐTD ngày 08/03/2023;
- Số 41/2023/14348443/HĐTD ngày 09/03/2023;
- Số 42/2023/14348443/HĐTD ngày 16/03/2023;
- Số 43/2023/14348443/HĐTD ngày 20/03/2023;
- Số 44/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 45/2023/14348443/HĐTD ngày 21/03/2023;
- Số 46/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 47/2023/14348443/HĐTD ngày 23/03/2023;
- Số 48/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 49/2023/14348443/HĐTD ngày 29/03/2023;
- Số 50/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 51/2023/14348443/HĐTD ngày 30/03/2023;
- Số 52/2023/14348443/HĐTD ngày 28/6/2023.

Trường hợp Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 không thanh toán số tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp của Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 622, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 760969, số vào sổ cấp GCN: CT37659 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/06/2017 và Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 611, tờ bản đồ số 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 858751, số vào sổ cấp GCN: CH 03883 do UBND huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 06/11/2014 để trả nợ cho tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Một Thành Viên C Đ1 phải chịu tiền án phí là 147.636.026 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).

- Công ty TNHH Một Thành Viên Cần Tiến Đạt phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Công ty TNHH Một Thành Viên Cần Tiến Đạt có trách nhiệm hoàn trả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 72.926.738 đồng (bảy mươi hai triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0035754 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH MTV Cần Tiến Đạt, ông Đặng Văn Đáo và bà Chung Thị Lan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú